TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20-01-2021
Về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Lâm

Ông Bùi Đức Hảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Kim O, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện V, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện V, tỉnh Long An.

Bà O, ông T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn đề ngày 28/9/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày và vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Bà O và ông T sau một thời gian tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình thì tổ chức lễ cưới vào năm 2018, có đăng ký kết hôn ngày 14/6/2018 tại UBND xã B, huyện V, tỉnh Long An và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18/2018; Sau khi cưới vợ chồng bà sinh sống với gia đình chồng tại ấp C, xã B, huyện V, tỉnh Long An. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh

mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là cha mẹ chồng khó khăn, ông T lại không quan tâm vợ con. Tháng 5 năm 2020, mâu thuẫn trầm trọng, bà bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng. Tháng 8 năm 2020 bà rút đơn ly hôn để về hòa giải gia đình nhưng kết quả không thành, bà và ông T không thể hàn gắn tình cảm nên tháng 9 năm 2020 bà tiếp tục gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng để yêu cầu giải quyết ly hôn; Về con chung thì bà và ông T có một con chung tên Trần Thiên Â, sinh ngày 09/02/2019, hiện nay con chung đang ở chung với bà, bà yêu cầu được nuôi con chung và ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về mức cấp dưỡng nuôi con thì bà trình bày chi phí mỗi tháng để chăm sóc cháu Â là 2.000.000 đồng, bao gồm tiền ăn 900.000 đồng, tiền sữa và quần áo 800.000 đồng, tiền bệnh (nếu có) là 300.000 đồng; Vì vậy, bà yêu cầu ông T cấp dưỡng mối tháng 2.000.000 đồng, tại phiên tòa bà yêu cầu cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng; Công việc của bà hiện nay là giáo viên dạy tiểu học, lương mỗi tháng 5.467.998 đồng còn ông T thì đi làm thuê (cắt lúa theo vụ và làm thuê theo ngày), bình quân thu nhập mỗi tháng là 9.600.000 đồng. Về chia tài sản chung và chia nợ chung: bà và ông T xác định tại phiên tòa là không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Ông T trình bày: Thống nhất lời trình bày của bà O về điều kiện kết hôn, con chung và nguyên nhân mâu thuẫn; Ông có bàn với bà O về việc vợ chồng sẽ dọn ra ở riêng nhưng bà O không đồng ý mà kiên quyết ly hôn. Ông đồng ý ly hôn, về nuôi con chung, do con chung còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ nên đồng ý giao cho bà O nuôi dưỡng, tài sản chung và nợ chung không có. Về phần cấp dưỡng nuôi con ông không đồng ý vì hàng tháng ông vẫn quan tâm đến con, thường xuyên thăm và mua sữa, bánh cho con, bình quân mỗi tháng mua hai đợt với số tiền hơn 500.000 đồng mỗi đợt, nếu bà O không đủ điều kiện nuôi dưỡng thì ông yêu cầu giao con cho ông nuôi. Hiện nay, ông sống chung với cha mẹ ruột nên phải làm phụ công việc trong gia đình, khi có người thuê mướn thì ông cũng đi làm, mỗi ngày từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng nhưng không ổn định.

- Về ý kiến của Viện kiểm sát:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự thì nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định.

Nội dung vụ án: Bà O yêu cầu ly hôn với ông T vì cho rằng vợ chồng không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân không có mục đích, khả năng đoàn tụ vợ chồng không có; Bà O và ông T thật sự tự nguyện ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông T đồng ý giao con chung Trần Thiên Â cho bà O nuôi dưỡng theo yêu cầu của bà O là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Xét nhu cầu thiết yếu của con chung và điều kiện thun hập hàng tháng của ông T nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng mỗi tháng

1.000.000 đồng của bà O; Về chia tài sản chung và chia nợ chung các đương sự xác định không có nên không đề cập đến.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 55, 81, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa các đương sự, giao con chung cho bà O nuôi dưỡng và chăm sóc, buộc ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bà O yêu cầu ly hôn với ông T và yêu cầu nuôi con chung nên xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con; Ông T có nơi cư trú tại ấp C, xã B, huyện V, tỉnh Long An nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của bà O và ông T là hôn nhân hợp pháp được hình thành trên cở sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện V, tỉnh Long An vào ngày 14/6/2018 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18/2018 nên đây là hôn nhân hợp pháp được giải quyết theo quy định pháp luật Hôn nhân và gia đình.

Bà O xác định bà không còn tình cảm với ông T, vợ chồng đã không còn sống chung, ông T cũng thống nhất ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của bà O và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ghi nhận tự nguyện ly hôn của bà O và ông T là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Bà O có nguyện vọng nuôi con chung tên Trần Thiên Â sinh ngày 09/02/2019; Cháu Â còn nhỏ cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ là bà O và hiện tại cháu đang sinh sống cùng với bà O; Bà O hiện làm giáo viên trường tiểu học B, có thu nhập ổn định, có điều kiện giáo dục, nuôi dạy con tốt; Đồng thời, ông T cũng thống nhất giao con chung cho bà O nuôi dưỡng. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà O, giao con chung cho bà O trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình

Ông T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung và quyền yêu cầu thay đổi nuôi con theo quy định pháp luật.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định tại Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình thì việc cấp dưỡng nuôi con chung là trách nhiệm của cha mẹ đối với con và mức cấp dưỡng được xác định dựa trên sự thỏa thuận của các bên, mức thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Xét thấy, theo biên bản xác minh ngày 06/11/2020 và lời trình bày của ông T thì ông phụ giúp công việc gia đình cho cha

mẹ và làm thuê nên thu nhập vẫn đủ để đảm bảo cuộc sống và mỗi tháng vẫn có dư tiền để mua sữa, quà bánh và vật dụng cần thiết cho con, bình quân mỗi tháng hơn 1.000.000 đồng; Đồng thời, nhu cầu thiết yếu hàng tháng của con chung Thiên Â do bà O cung cấp chỉ khoảng 1.700.000 đồng đến 2.000.000 đồng; Bản thân bà O cũng có việc làm có thu nhập ổn định nên bà O cũng có thể đảm bảo một phần chi phí nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, bà O yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là có căn cứ.

[5] Về chia tài sản chung và chia nợ chung: Bà O và ông T đều xác định không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ các nhận định trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về ly hôn, yêu cầu nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà O.

[6] Về án phí: Do bà O, ông T không thuộc trường hợp được miễn án phí nên bà O phải chịu án phí hôn nhân gia đình, ông T chiu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Các điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Phan Thị Kim O và ông Trần Văn T.

Về hôn nhân: Bà Phan Thị Kim O và ông Trần Văn T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao con chung tên Trần Thiên Â (Giới tính: nam), sinh ngày 09 tháng 02 năm 2019 cho bà Phan Thị Kim O trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chấp nhận T bộ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà Phan Thị Kim O.

Buộc ông Trần Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một trong hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Về án phí: Bà Phan Thị Kim O phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà Phan Thị Kim O đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 07 tháng 10 năm 2020 theo biên lai thu tiền số 0002690 sang tiền án phí.

Ông Trần Văn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con sung công quỹ Nhà nước

Báo cho bà Phan Thị Kim O, ông Trần Văn T biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND,VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- UBND/x B;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Liễu